

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 44 (31/10-04/11/2022)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

Kinh tế khu vực EURO: Tăng trưởng chậm nhất 6 quý gần đây; Lạm phát lên 2 con số;
Sản xuất chế tạo toàn cầu tiếp tục giảm;
Áp lực giá và nguồn cung hàng hóa toàn cầu giảm mức thấp nhất trong hơn 2 năm qua;
Giá lương thực tháng 10 giảm nhẹ
Fed tiếp tục tăng lãi suất 75 điểm phần trăm lần thứ 4, cho rằng lãi suất có thể lên cao hơn, tốc độ tăng lãi suất có thể giảm dần;
BOE tăng lãi suất 8 lần liên tiếp;
Tốc độ tăng lãi suất của các NHTW đã có dấu hiệu giảm đi.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

Thủ tướng Chính phủ: Tập trung vào 3 động lực tăng trưởng kinh tế;
Tăng trưởng kinh tế Việt Nam đang vượt xa phần còn lại của châu Á;
Lãi suất USD liên ngân hàng tăng mạnh qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn trong tuần qua;
NHNN bơm ròng 78.087,15 tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở;
Lũy kế từ đầu năm 2022, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được 158.572 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu;
Thanh khoản các sàn bình quân ở mức 11,7 nghìn tỷ đồng/phiên trên TTCK.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/- 1W	%+/- M	%+/- Y
Qua đêm	6,93	0,86	0,86	6,2
1 Tuần	7,15	0,52	0,52	5,72
2 Tuần	6,98	-0,66	-0,66	4,75
1 Tháng	9,13	1,39	1,39	6,9
3 Tháng	9,64	3,20	3,20	7,05
6 Tháng	9,87	1,14	1,14	6,65
9Tháng*	7,65	0,00	0,00	4,39

Ghi chú: 3.11.2022

Nguồn: NHNN

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gói thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
31/10/2022	7	10.000	5/5	9.999,8	6
01/11/2022	7	10.000	6/6	9.999,8	6
02/11/2022	7	10.000		---	
03/11/2022	7	10.000		---	
04/11/2022	7	10.000		---	
Tổng cộng		10.000		19.999,6	

Nguồn: NHNN

Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

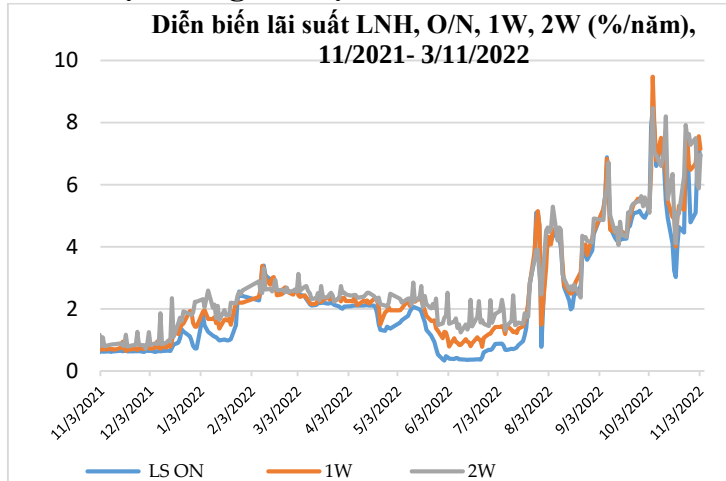
Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2022		Tuần 44 (31/10-4/11/2022)			
Tỷ lệ đăng ký		1,36		1,46			
Tỷ lệ trúng thầu		45%		66%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm	29.000		2.000			
2	5 Năm	32.500		2.000			
3	7 Năm	5.000					
4	10 Năm	133.800		5.500			
5	15 Năm	124.700		5.500			
6	20 Năm	11.500					
7	30 Năm	18.500					
	Tổng	355.000		15.000			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị	Lãi	Giá trị	Lãi suất(%)		
1	3 Năm	22.100	2,2 - 5	2.000	4,7 - 4,7		
2	5 Năm	19.135	1,55 - 5,2	1.000	4,8 - 4,8		
3	7 Năm	8.200	1,3 - 5				
4	10 Năm	228.685	2,05 - 5,6	10.591	4 - 5,5		
5	15 Năm	177.050	2,33 - 5,9	8.300	4,3 - 5,5		
6	20 Năm	6.915	2,73 - 3,5				
7	30 Năm	20.110	2,94 - 4,4				
	Tổng	482.195		21.891			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất(%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất(%)	Tuần trước	Tuần 12/2021
						+/-điểm%	+/-điểm%
1	3 Năm	9.300	2,3 - 4,7	2.000	4,7 - 4,7	0	
2	5 Năm	3.000	2,39 - 4,8	1.000	4,8 - 4,8	0	
3	7 Năm	-	0 - 0				
4	10 Năm	75.712	2,07 - 4,2	3.640	4,2 - 4,2	0,2	
5	15 Năm	59.670	2,35 - 4,4	3.200	4,4 - 4,4	0,3	2,06
6	20 Năm	2.265	2,75 - 2,75				
7	30 Năm	8.625	2,96 - 3,01				
	Tổng	158.572		9.840			

Nguồn: HNX

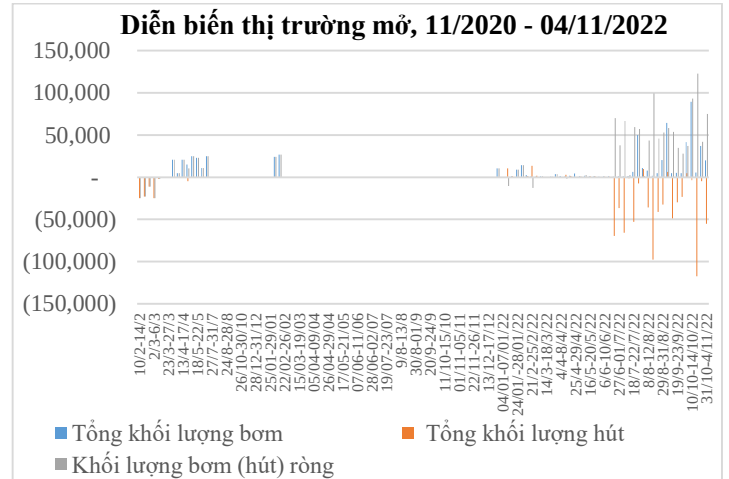
Nguồn: HNX

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

1. Thị trường tiền tệ

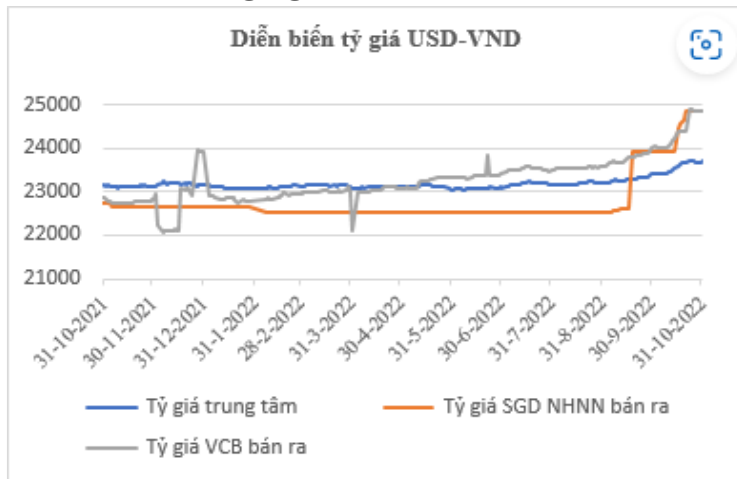


Nguồn: NHNN

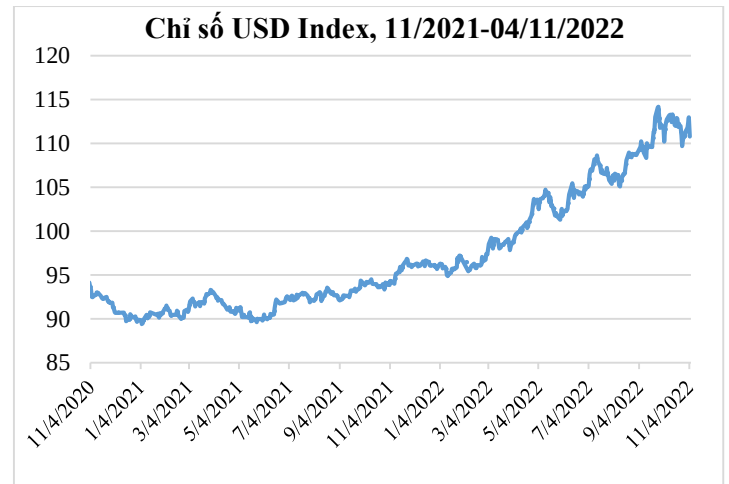


Nguồn: NHNN

2. Thị trường ngoại hối

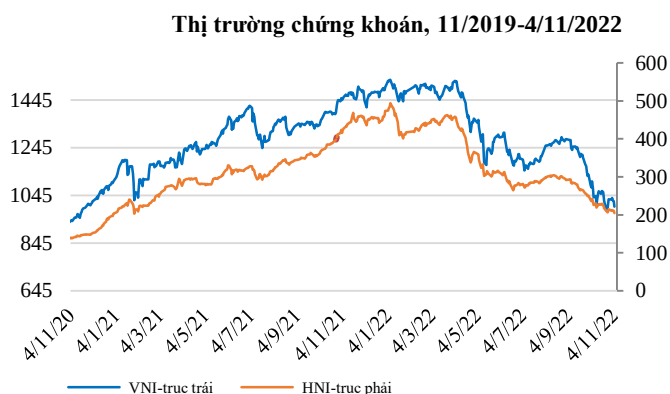


Nguồn: NHNN

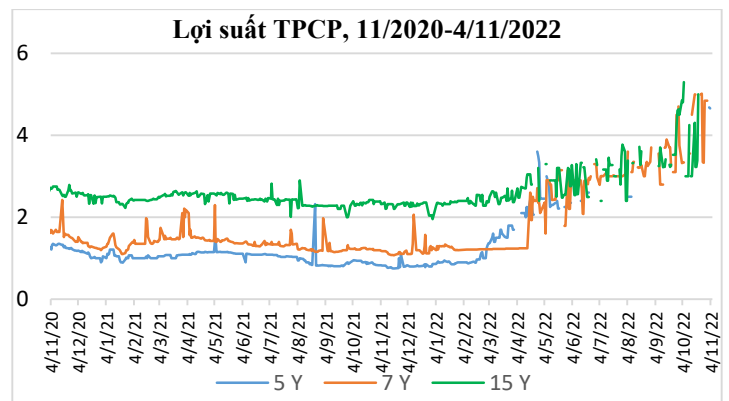


Nguồn: Trading economics

3. Thị trường chứng khoán và TPCP



Nguồn: HNX, HSX



Nguồn: HNX

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ QUỐC TẾ TUẦN 44 (31/10-04/11/2022)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	4.00%	3.25 %	02/11/2022	
ECB	EURO Zone	2.00%	1.25%	27/10/2022	15/12/2022
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00 %	29/01/2016	20/12/2022
PBoC	Tr/Quốc	2.75%	2.85 %	15/08/2022	NA
RBA	Úc	2.85%	2.60%	01/11/2022	06/12/2022
BoE	Anh	3.00%	2.25%	03/11/2022	15/12/2022
BOK	Hàn Quốc	2.50%	2.25 %	25/08/2022	24/11/2022
BI	Indonesia	4.25%	3.75%	22/09/2022	17/11/2022
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	
BOT	Thái Lan	1.00%	0.25%	28/09/2022	30/11/2022
CBR	Nga	7.50%	8.00%	16/09/2022	16/12/2022

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	0.99541	-0.11%	0.51%	-13.95%
GBPUSD	1.13731	-2.07%	0.27%	-15.72%
AUDUSD	0.64697	0.89%	-0.59%	-12.55%
USDJPY	146.638	-0.56%	1.49%	29.32%
USDCNY	7.17520	-1.30%	1.53%	12.22%
USDCAD	1.34780	-0.90%	-1.00%	8.23%
USDRUB	61.0000	-0.81%	2.09%	-14.10%
USDKRW	1403.29	-1.29%	-0.87%	18.82%
DXY	110.8770	0.11%	-0.18%	17.55%
USDTHB	37.2800	-1.64%	-0.51%	12.29%
USDSGD	1.40330	-0.52%	-1.54%	3.94%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.1580	0.15%	0.40%	2.71%
UK	3.5500	0.05%	-0.48%	2.71%
Japan	0.2500	0.01%	0.00%	0.19%
Australia	3.8720	0.11%	0.21%	2.08%
Germany	2.2890	0.20%	0.27%	2.57%
China	2.7080	0.03%	-0.08%	-0.20%
Hong Kong	7.4820	-0.10%	0.28%	1.27%
Indonesia	4.4030	0.04%	0.07%	0.83%
Malaysia	12.9090	0.04%	0.07%	2.32%
Philippines	7.5480	0.13%	0.53%	2.59%
Singapore	3.4910	0.09%	0.17%	1.72%
South Korea	4.1780	0.02%	0.11%	1.83%
Taiwan	1.8190	0.07%	0.18%	1.31%
Thailand	3.0500	-0.17%	-0.09%	1.11%
Vietnam	5.2090	0.02%	0.08%	3.13%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 W	+/_ % 1 M	+/_ % YTD	+/_ % 1Y	+/_ % 3 Y
Dow Jones	-1.39%	+8.28%	-10.83%	-10.80%	+17.86%
S&P 500	-3.35%	+0.70%	-20.89%	-19.73%	+22.55%
Nasdaq	-5.65%	-5.40%	-33.04%	-34.41%	+24.55%
DAX	+1.63%	+7.93%	-15.27%	-16.16%	+2.12%
FTSE 100	+4.07%	+4.82%	-0.67%	+0.42%	-0.84%
CAC 40	+2.29%	+8.09%	-10.30%	-8.87%	+9.37%
Euro Stoxx 50	+2.08%	+7.42%	-14.19%	-15.46%	-0.01%
Nikkei 225	+0.35%	-0.41%	-5.53%	-8.14%	+16.72%
Shanghai	+5.31%	+1.53%	-15.63%	-12.05%	+3.10%
Hang Seng	+8.73%	-10.28%	-30.93%	-35.02%	-41.63%
SET	+1.26%	+2.34%	-1.89%	+0.01%	+0.14%
KOSPI	+3.53%	+4.94%	-21.13%	-20.91%	+9.53%
IDX Com	-0.15%	-0.44%	+7.05%	+7.05%	+13.32%
PSEi	+0.52%	+4.23%	-13.16%	-15.74%	-22.93%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	92.610	5.36%	6.64%	15.57%
Natural gas USD/MMBtu	6.4701	13.83%	-10.58%	17.30%
Gasoline USD/Gal	2.7324	6.61%	8.38%	17.73%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	1680.54	2.36%	-2.06%	-7.50%
Silver USD/t.oz	20.836	8.37%	0.66%	-13.79%
Lithium CNY/T	577500	2.30%	11.59%	196.92%
Platinum SD/t.oz	960.93	1.73%	4.62%	-7.11%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	3.7145	7.17%	5.57%	-14.47%
Steel CNY/T	3529.00	-1.18%	-10.66%	-21.40%
Iron Ore USD/T	89.00	5.95%	-9.18%	0.00%
Aluminum USD/T	2355.50	6.51%	0.15%	-7.86%
Tin USD/T	18010	-3.60%	-10.21%	-51.47%
Zinc USD/T	2874.00	1.86%	-5.58%	-10.98%
Nikel USD/T	23721	7.72%	5.56%	21.62%
Coal USD/T	349.50	-9.36%	-13.49%	125.85%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 05/11/2022

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Khu vực EURO: Kinh tế quý III báo hiệu quý IV suy giảm

Tăng trưởng chậm nhất 6 quý gần đây

Tốc độ tăng trưởng quý III chỉ đạt 0,2%, so với quý II đạt 0,7% - đây là mức thấp nhất kể từ khi bắt đầu hồi phục từ dịch Covid-19 (quý 2/2021).

Lạm phát lên 2 con số

Tốc độ lạm phát tháng 10/2022 đã lên đến 10,7% yoy, vượt mức tháng 9 là 9,9%, cao hơn so với mức dự báo 10,2%. So sánh với tháng trước, giá tiêu dùng tăng 1,5% - mức cao nhất trong 7 tháng qua.

Giá năng lượng tiếp tục có tác động lớn nhất (tăng từ 40,7% trong tháng 9 lên 41,9%); tiếp theo là giá lương thực, đồ uống, thuốc lá (tăng từ 11,8% lên 13,1%).

Sản xuất chế tạo toàn cầu tiếp tục giảm

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu tháng 10/2022 tiếp tục suy giảm khi các đơn hàng mới giảm với tốc độ nhanh nhất trong vòng 28 tháng qua. Chỉ số sản lượng giảm còn 48,6 điểm – mức thấp nhất 28 tháng.

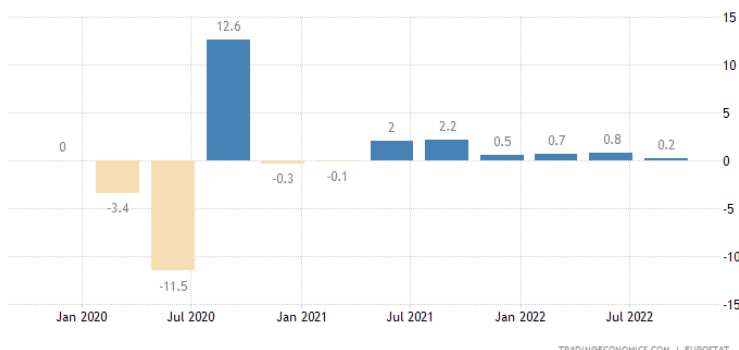
Trong tháng 10/2022, Trung Quốc, khu vực EURO và Nhật Bản là những nền kinh tế lớn có sản lượng sản xuất giảm, sản xuất ở Mỹ tăng nhưng tốc độ tăng rất ít.

Triển vọng sản xuất cũng chịu ảnh hưởng mạnh. Tâm lý doanh nghiệp sản xuất cũng xuống mức thấp nhất trong vòng hơn 2 năm qua.

Kim ngạch thương mại quốc tế cũng giảm tháng thứ 8 liên tiếp, tốc độ giảm dù có nhẹ hơn so với tháng 9 nhưng vẫn ở mức mạnh. Mức giảm đơn hàng mới với cả hàng hóa tiêu dùng, hàng hóa bán thành phẩm và nguyên vật liệu.

Áp lực lạm phát giá vẫn tăng cao. Tốc độ tăng chi phí đầu vào và đầu ra đều cao hơn mức trung bình khảo sát.

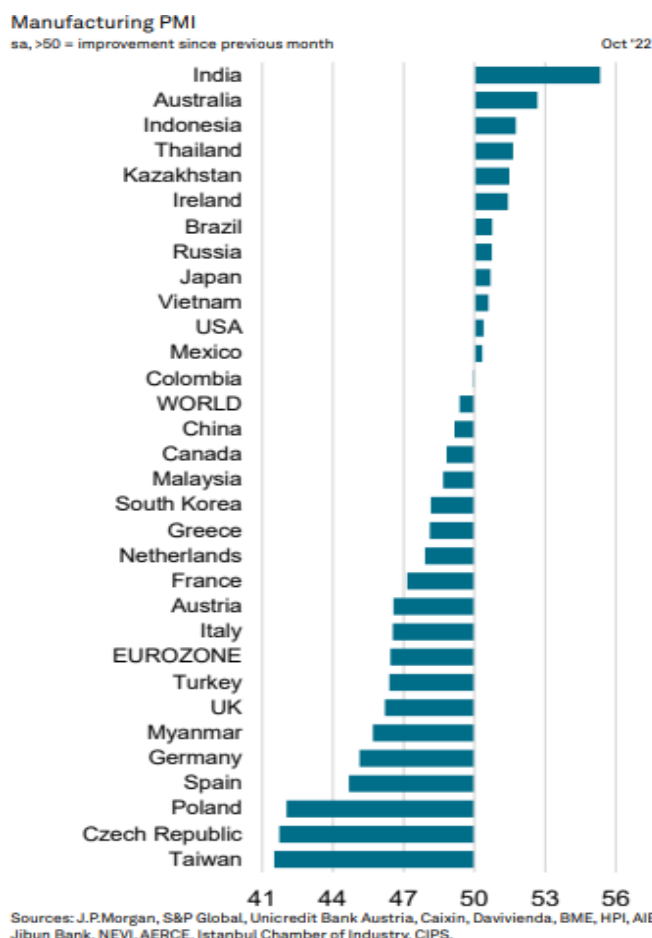
Tăng trưởng chậm nhất 6 quý gần đây



Chỉ số PMI tổng hợp tháng 10 giảm mạnh còn 47,3 điểm cho thấy sự suy giảm kinh tế lớn nhất trong 2 năm qua.

Nguồn: Eurostat

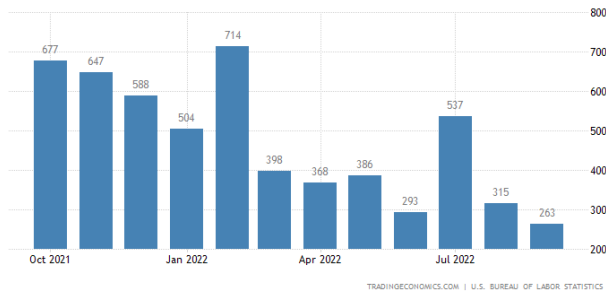
PMI sản xuất toàn cầu vẫn giảm



Sources: J.P.Morgan, S&P Global, Unicredit Bank Austria, Caixin, Davivienda, BME, HPI, AIB, Jibun Bank, NEVI, AERCE, Istanbul Chamber of Industry, CIPS.

Nguồn: Tradingeconomics/BEA

Mỹ: Thị trường lao động vẫn mạnh Số việc làm tạo thêm giảm dần



Số việc làm bị cắt giảm tăng lên



Giá hàng hóa thế giới: Áp lực giá và nguồn cung hàng hóa giảm mức thấp nhất trong hơn 2 năm qua

Giá lương thực tháng 10 giảm nhẹ

Giá dầu thực vật giảm 1,6% do giá dầu cò, đậu nành và hạt cải dầu giảm. Giá sữa giảm 1,7% do Trung Quốc mua thấp hơn dự đoán, nhu cầu nguồn cung giao ngay mờ nhạt và đồng Euro yếu đi. Giá thịt giảm 1,4% và giá đường giảm 0,6% bởi triển vọng nguồn cung toàn cầu tích cực cho niên vụ 2022/23, tiếp tục được củng cố bởi triển vọng sản xuất được cải thiện ở Ấn Độ. Giá ngũ cốc tăng 3%, dẫn đầu là lúa mì (3,2%), trong bối cảnh tiếp tục có những bất ổn liên quan đến Sáng kiến Ngũ cốc Biển Đen và nguồn cung thắt chặt hơn ở Mỹ, sau khi điều chỉnh sản lượng giảm.

Áp lực giá và thiếu hụt nguồn cung hàng hóa toàn cầu giảm xuống mức thấp nhất hơn 2 năm qua

Áp lực giá hàng hóa toàn cầu đã giảm xuống mức thấp nhất 27 tháng với chỉ số áp lực giá giảm còn 0,9 điểm.

Các báo cáo về tình trạng thiếu hụt nguồn cung hàng hóa cũng xuống mức thấp nhất trong vòng 2 năm qua (2,7 điểm), trong đó, các báo cáo về tình trạng giá cao hơn đối với các sản phẩm bán dẫn và năng lượng chiếm nhiều nhất.

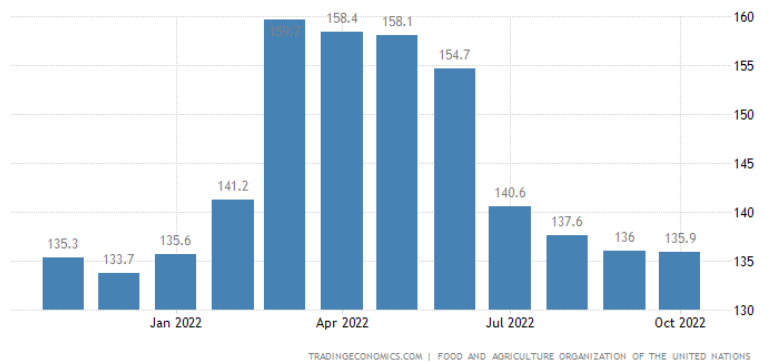
Nền kinh tế Mỹ cần thêm khoảng 261 nghìn việc làm phi nông nghiệp vào tháng 10/2022, đánh dấu tháng thứ ba liên tiếp tăng trưởng việc làm chậm lại và mức thấp nhất kể từ tháng 12/2020. Thất nghiệp tăng lên 3,7% và tiền lương có thể tăng lên 0,3%, tương đương với tháng trước. Lĩnh vực giải trí và khách sạn có thể ghi nhận sự tăng trưởng việc làm mạnh mẽ trong khi các hoạt động tài chính, vận tải và kho bãi, sản xuất có khả năng giảm việc làm. Số liệu của tháng 10 cho thấy nhu cầu lao động vẫn mạnh dù có chậm lại do tình trạng thiếu công nhân vẫn tiếp diễn.

Mặc dù cao hơn dự báo, nhưng con số việc làm mới vẫn là mức thấp nhất kể từ tháng 12/2020.

Các nhà tuyển dụng có trụ sở tại Hoa Kỳ đã công bố 33.843 lần cắt giảm việc làm vào tháng 10/2022, tăng 13% so với mức 29.989 việc làm vào tháng 9. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 2/2021. Nhiều công ty đang dự đoán trước nguy cơ suy thoái, thị trường lao động vẫn mạnh và Fed tiếp tục tăng lãi suất, sẽ có nhiều đợt cắt giảm lao động hơn nữa khi bước sang năm 2023.

Nguồn: NBS/Tradingeconomics

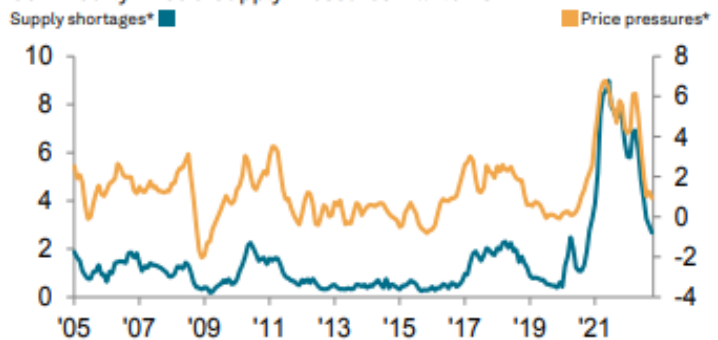
Giá lương thực tiếp tục xu hướng giảm nhẹ



Chỉ số giá lương thực của FAO ở mức 135,9 vào tháng 10/2022 so với mức 136 đã được điều chỉnh giảm vào tháng 9, thấp hơn hẳn mức cao kỷ lục 159,7 vào tháng 3 và chỉ cao hơn một chút so với mức trước cuộc xung đột Nga-Ukraine.

Áp lực giá hàng hóa và nguồn cung

Commodity Price & Supply Pressures: All Items



Source: S&P Global.
*multiple of long-run average

Cuộc khủng hoảng năng lượng vẫn chưa được giải quyết nhưng cũng có dấu hiệu rằng áp lực nguồn cung tiếp tục nhẹ bớt.

Nguồn: S&P GlobalFAO

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

Fed: cuộc họp chính sách tháng 11/2022

Fed tiếp tục tăng lãi suất 75 điểm % lần thứ 4, đưa lãi suất cấp vốn liên bang lên 3,75%-4%, đẩy lãi suất cho vay lên mức cao nhất kể từ 2008.

Fed tỏ rõ quan điểm rằng lãi suất có thể lên cao hơn nhưng cũng ám chỉ tốc độ tăng lãi suất có thể giảm dần.

Fed đã 4 lần tăng lãi suất 75 điểm phần trăm



Nguồn: Fed/Reuters

BOE: 8 lần tăng lãi suất liên tiếp

NHTW Anh (BOE) quyết định tăng lãi suất thêm 75 điểm % - mức tăng mạnh nhất kể từ 1989 đưa lãi suất cơ bản của Anh lên 3% và đây là lần tăng lãi suất thứ tám liên tiếp của BoE.

BoE cũng đưa ra cảnh báo về một triển vọng "rất thách thức" với tăng trưởng và mục tiêu đưa lạm phát trở lại mức 2%. GDP của Anh được dự đoán giảm khoảng 0,75% trong nửa cuối năm 2022; do tác động bởi giá năng lượng và hàng hóa thương mại, lạm phát ở Anh đã tăng vọt lên 10,1% trong tháng 9 và dự kiến tăng lên 11% trong quý IV, thất nghiệp dự kiến tăng lên 6,5% vào năm 2025.

BOE dự báo, nước Anh đang đối mặt với cuộc suy thoái kéo dài nhất kể từ cuộc đại suy thoái ở thế kỷ trước. Cuộc suy thoái lần này có thể sẽ kéo dài trong 2 năm, đến nửa đầu năm 2024.

Nguồn: BOE

Tốc độ tăng lãi suất của các NHTW có dấu hiệu giảm đi

Trong 10 tháng đầu năm 2022, đã có trên 290 lượt tăng lãi suất của trên 90 NHTW (tháng 10: 23 đợt, tháng 9: 41 đợt, tháng 8: 20 đợt; tháng 7: 37 đợt, tháng 6: 37 đợt, tháng 5: 39 đợt).

Trong 3 quý đầu năm, 10 nền kinh tế phát triển nhất tăng tổng cộng 21,65 điểm % (trừ Nhật Bản vẫn tiếp tục duy trì chính sách lãi suất âm, chưa tiến hành đợt điều chỉnh nào); các nền kinh tế mới nổi, đang phát triển điều chỉnh tăng lãi suất mạnh hơn với mức tổng tăng tới gần 64 điểm % (vượt xa cả năm 2021 chỉ 27,45 điểm %).

Các NHTW tăng lãi suất chủ đạo nhằm kiềm chế lạm phát và bảo vệ đồng nội tệ không bị mất giá quá nhiều so với USD.

Tuy nhiên, xu hướng tăng lãi suất đang có những dấu hiệu chậm lại, đặc biệt là tại các nền kinh tế lớn. Bắt đầu có tâm lý lo ngại rằng nền kinh tế toàn cầu vốn đã gặp nhiều khó khăn vì lạm phát tăng cao và chuỗi cung ứng đình trệ, sẽ càng trở nên suy yếu hơn vì các chính sách tăng lãi suất quyết liệt.

Các NHTW Canada (BOC), Úc (RBA) đã giảm biên độ tăng lãi suất (tháng 10, BOC chỉ tăng 0,25 điểm % so với dự báo tăng tới 0,75 điểm %; tháng 11, RBA cũng chỉ điều chỉnh tăng 0,25 điểm %). Xác suất tăng lãi suất 0,75% điểm % của Fed trong tháng 12 tới cũng đang giảm (38,5%, 4/11/2022).

Nguồn: Centralbanking/ Reuters

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

Thủ tướng Chính phủ: Tập trung vào 3 động lực tăng trưởng kinh tế

Ngày 05/11/2022, trong khuôn khổ phiên chất vấn của kỳ họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã trả lời chất vấn.

Thủ tướng Phạm Minh Chính cho biết thời gian vừa qua 3 nền tảng liên quan đến vĩ mô là *tăng trưởng, chống lạm phát và việc làm*, đã được quan tâm đặc biệt, chúng ta đã kiên trì mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế.

Do nguồn lực có hạn nên chúng ta tập trung vào 3 động lực tăng trưởng: Tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu.

Nguồn: quochoi.vn

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam đang vượt xa phần còn lại của châu Á

Việt Nam đang vượt xa phần còn lại của châu Á khi xét về tăng trưởng kinh tế, dự trữ ngoại hối và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Nguyên nhân: Nhờ đầu tư vào cơ sở hạ tầng, tự do hóa thương mại mạnh mẽ, tích cực và mức lương nhân công tương đối rẻ, động lực tăng trưởng sản xuất của Việt Nam vẫn còn nguyên vẹn. Đồng thời, Việt Nam cũng có lợi thế xuất phát từ vị thế tăng trưởng tốt với GDP quý III/2022 tăng vọt 13,7% so với cùng kỳ năm ngoái nhờ xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh.

Việt Nam cũng được "cách ly" một phần khỏi đà gia tăng giá lương thực toàn cầu và gần như không chịu ảnh hưởng bởi giá lương thực tăng cao trên toàn cầu vì là một trong những nhà sản xuất và xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.

Nguồn: WSJ

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường tiền tệ trong tuần 44, từ 31/10-04/11/2022.

- Lãi suất VND liên ngân hàng biến động tăng qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.
- Trên thị trường mở tuần 44, NHNN chào thầu 72.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với các kỳ hạn 14 ngày, lãi suất ở mức 6,0%. Có 58.174,95 tỷ đồng trúng thầu.

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng tuần từ 31/10 - 4/11, lãi suất VND liên ngân hàng biến động tăng qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống. Chốt ngày 4/11, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 6,31% (+1,81 điểm phần trăm so với phiên cuối tuần trước đó); 1 tuần 7,03% (+0,75 điểm phần trăm); 2 tuần 7,43% (+0,43 điểm phần trăm); 1 tháng 7,84% (+0,26%).

Lãi suất USD liên ngân hàng tăng mạnh qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn trong tuần qua. Chốt tuần 4/11, lãi suất USD liên ngân hàng đóng cửa ở mức: qua đêm 3,90% (+0,77 điểm phần trăm); 1 tuần 4,0% (+0,70); 2 tuần 4,15% (+0,68 điểm phần trăm) và 1 tháng 4,40% (+0,80 điểm phần trăm).

- Thị trường mở tuần từ 31/10 - 4/11, NHNN chào thầu 72.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với các kỳ hạn 14 ngày, lãi suất ở mức 6,0%. Có 58.174,95 tỷ đồng trúng thầu; có 35.175,38 tỷ đồng đáo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN 2 phiên đầu tuần với kỳ hạn 7 ngày; có 19.999,6 tỷ đồng trúng thầu với lãi suất 6,0%, có 75.087,58 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần.

Như vậy, NHNN bơm ròng 78.087,15 tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 106.854,88 tỷ đồng, khối lượng tín phiếu ở mức 19.999,8 tỷ đồng.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

- Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá USD/VND trong tuần 44 biến động tăng – giảm qua các phiên, không có nhiều biến động bất thường so với tuần trước, song áp lực tỷ giá vẫn rất lớn khi Fed tiếp tục động thái tăng lãi suất điều hành.

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 31/10 - 4/11: Tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) điều chỉnh tăng - giảm nhẹ qua các phiên. Chốt ngày 4/11, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.693 VND/USD, không thay đổi so với phiên cuối tuần trước đó. Sở giao dịch NHNN tiếp tục dừng niêm yết giá mua USD, giá bán giữ nguyên mức 24.870 VND/USD.

- Chỉ số USD Index chốt phiên cuối tuần, ở mức 110,788 điểm, tăng 0,12 điểm so với cuối phiên tuần trước, và giảm 2,192 điểm so với phiên ngày hôm trước.

Tỷ giá do VCB bán ra ngày 04/11 ở mức 24.871 VND/USD tăng 1 đồng so với cuối phiên tuần trước và giảm 1 đồng so với phiên ngày hôm trước.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp:

Tuần 44 (31/10-4/11/2022)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **9.840/15.000** tỷ đồng, trùng tương ứng với tỷ lệ là 66%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với tuần trước : 3 năm - lãi suất 4,7 % (*không thay đổi*); 5 năm - lãi suất 4,8% (*không thay đổi*); 10 năm - lãi suất 4,2 % (*tăng 0,2 điểm %*); 15 năm - lãi suất 4,4% (*tăng 0,3 điểm %*).

Trên thị trường thứ cấp:

Tuần 44 (31/10-4/11/2022).

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 2.630 tỷ đồng/ phiên, giảm 36,7 % so với tuần trước. Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP bảo lãnh biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

7 năm	giảm	-1.59	điểm %
10 năm	giảm	-1.68	điểm %
15 năm	giảm	-0.62	điểm %

Lũy kế từ đầu năm 2022, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được 158.572 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Nguồn: HNX; HSX; NHNN

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua các chỉ số Vn-Index của thị trường có điều chỉnh giảm so với tuần trước, thanh khoản các sàn bình quân ở mức 11,7nghìn tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là 997,15 điểm (-30,21 điểm; - 2,9 %) và HNX-Index đóng cửa ở 204,56 điểm (-9,17 điểm ; -4,3%) so với tuần giao dịch trước;

Khối ngoại đã bán ròng gần 600 tỷ VND trong tuần qua.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 28/10/2022 giảm so với tuần trước và còn ở mức là 59,0%. Với mức này thì giảm 29,7 điểm % so với cuối năm 2020 và giảm 64,37 điểm % so với cuối năm 2021.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày cuối tuần. (5,202 triệu tỷ VND)

2. GDP TCTK công bố 4 quý liền kề FMSIS (8,810 triệu tỷ VND)

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH				
Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
CP	Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ: Về việc điều chỉnh dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động chưa sử dụng hết năm 2021 của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan	23/10/2022	23/10/2022	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
	2. Ngân hàng			
	3. Tài chính			

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA